

BẢNG THÀNH TOÀN TIỀN LƯƠNG CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Tháng 09 năm 2022

STT	Mã số CBC, viên chức	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số													Các khoản trả vào lương							Tổng tiền lương và BHXH còn được nhận			
				Hệ số lương	Hệ số chức vụ	Hệ số trách nhiệm	Thâm niên VK	Thâm niên Nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp đặc biệt	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp TN	Phụ cấp nghề	Phụ cấp khác	Trợ cấp	Trợ cấp khác	Cộng hệ số	Thành tiền	Nghị quyết	BHXH	Tổng cộng tiền lương và BHXH phải trả	BHXH 8%	BHYT 1,5%		CD phí 1%	Cộng	Ước bộ Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" năm 2022
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1	01.001	Trần Trương Chí	Giám đốc	6,92	0,90						1,96						9,78	14.572.200			14.572.200	932.144	174.777	116.518	1.223.439	50.000	13.298.761
2	01.002	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	5,76	0,70						1,62			0,30			8,08	12.039.200			12.039.200	770.032	144.381	96.254	1.010.667	50.000	10.978.533
3	01.002	Nguyễn Đỗ Hải Thuận	Phó Giám đốc	4,74	0,70						1,36						6,80	10.132.000			10.132.000	648.448	121.584	81.056	851.088	50.000	9.230.912
4	01.003	Lê Đình Sơn	Phó Giám đốc	5,08	0,70						1,45						7,23	10.772.700			10.772.700	688.976	129.183	86.122	904.281	50.000	9.818.419
5	01002	Nguyễn Ngọc Thạch	Chánh VP	4,74	0,50						1,31						6,55	9.759.500			9.759.500	624.608	117.114	78.076	819.798	50.000	8.889.702
6	01.003	Lâm Đại Triệu	Chức viên								-						-	-			-	-	-	-	-	-	-
7	01.003	Quách Thị Thảo	Chức viên	3,99							1,00						4,99	7.435.100			7.435.100	475.608	89.177	59.451	624.236	50.000	6.760.864
8	01.003	Phạm Minh Tuấn	Chức viên	3,33							0,83			0,30			4,46	6.645.400			6.645.400	396.936	74.426	49.617	520.979	50.000	6.074.421
9	01.003	Nguyễn Thanh Phương	Chức viên	4,98			0,25				1,31						6,54	9.744.600			9.744.600	623.416	116.891	77.927	818.234	50.000	8.876.366
10	01.014	Nguyễn Văn Tệp	Bảo vệ	3,48			0,45				0,98						4,91	7.315.900			7.315.900	468.456	87.836	58.557	614.849	50.000	6.651.051
11	01.003	Trần Thị Kim Quỳnh	Văn thư	2,67		0,10					0,69						3,46	5.155.400			5.155.400	330.184	61.910	41.273	433.367	50.000	4.672.033
12	01.002	Nguyễn Kim Hoàn	Phó Tr. P	5,08	0,50						1,40						6,98	10.400.200			10.400.200	665.136	124.713	83.142	872.991	50.000	9.477.209
13	01.003	Nguyễn Gia Hùng	Phó Tr. P	4,74	0,30						1,26						6,30	9.387.000			9.387.000	600.768	112.644	75.096	788.508	50.000	8.548.492
14	01.002	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Chức viên chính	4,40							1,10						5,50	8.195.000			8.195.000	524.480	98.340	65.560	688.380	50.000	7.456.620
15	01.003	Nguyễn Hải Hùng Trường	Chức viên	3,66							0,92						4,58	6.824.200			6.824.200	436.272	81.801	54.534	572.607	50.000	6.201.593
16	01.003	Nguyễn Thi	Trưởng phòng	4,65	0,50						1,29						6,44	9.595.600			9.595.600	613.880	115.103	76.735	805.718	50.000	8.739.882
17	01.003	Hoàng Xuân Long	Chức viên	3,33		0,20					0,88			0,30			4,71	7.017.900			7.017.900	420.776	78.886	52.597	552.269	50.000	6.415.631
18	01.003	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chức viên	3,33							0,83						4,16	6.198.400			6.198.400	396.936	74.426	49.617	520.979	50.000	5.627.421
19	01.003	Mai Đức Lợi	Phó Tr. P	4,98	0,30		0,90				1,55						7,73	11.517.700			11.517.700	736.656	138.123	92.082	966.861	50.000	10.500.839
20	01.003	Phạm Trung Hiền	Trưởng phòng	3,99	0,50						1,12						5,61	8.358.900			8.358.900	535.208	100.352	66.901	702.461	50.000	7.606.439
21	01.003	Nguyễn Đình Lương	Chức viên	3,33							0,83						4,16	6.198.400			6.198.400	396.936	74.426	49.617	520.979	50.000	5.627.421
22	01.003	Nguyễn Thị Hồng Linh	Chức viên	3,99							1,00						4,99	7.435.100			7.435.100	475.608	89.177	59.451	624.236	50.000	6.760.864
23	01.003	Đoàn Việt Trì	Trưởng phòng	4,98	0,50		0,55				1,51						7,54	11.234.600			11.234.600	718.776	134.771	89.447	943.394	50.000	10.241.206
24	01.003	Nguyễn Mạnh Thắng	Phó Tr. P	4,98	0,30		0,35				1,41						7,04	10.489.600			10.489.600	671.096	125.831	83.887	880.814	50.000	9.558.786
25	01.003	Nguyễn Đức Thịnh	Chức viên	4,98			0,35				1,33						6,66	9.923.400			9.923.400	635.336	119.126	79.417	833.879	50.000	9.039.521
26	01.003	Nguyễn Mai Hương	Chức viên	4,98			0,25				1,31						6,54	9.744.600			9.744.600	623.416	116.891	77.927	818.234	50.000	8.876.366
27	01.003	Đào Văn Long	Chức viên	3,66							0,92						4,58	6.824.200			6.824.200	436.272	81.801	54.534	572.607	50.000	6.201.593
28	01.003	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Chức viên	3,00							0,75						3,75	5.587.500			5.587.500	357.600	67.050	44.700	469.350	50.000	5.068.150
29	04.025	Trần Thanh Danh	Chánh Tr. P	4,65	0,50		0,26				1,29						7,99	11.905.100			11.905.100	644.872	120.914	80.609	846.395	50.000	11.008.705
30	04.024	Nguyễn Bá Lộc	Phó Chánh TT	5,76	0,30		1,27				1,52						9,41	14.020.900			14.020.900	771.224	144.605	96.403	1.012.232	50.000	12.958.668
31	04.025	Hà Tấn Trường	Bộ trưởng	4,98	0,20		0,70	0,59			1,47						9,01	13.424.900			13.424.900	737.848	138.347	92.231	968.426	50.000	12.406.474
32	04.025	Đinh Ngọc Phương	Bộ trưởng	4,98	0,20		0,45	0,56			1,41						9,01	13.424.900			13.424.900	737.848	138.347	92.231	968.426	50.000	12.406.474
33	04.025	Nguyễn Cao Bình	Bộ trưởng	4,65	0,20			0,63			1,21						7,90	11.771.000			11.771.000	653.216	122.478	81.652	857.346	50.000	10.863.654
34	04.025	Võ Hải Tâm	Bộ trưởng	3,99	0,20			0,42			1,05						6,71	9.997.900			9.997.900	549.512	103.034	68.689	721.235	50.000	9.226.665
35	01.003	Lê Hải Hiền	Chức viên	3,99							1,00						4,99	7.435.100			7.435.100	475.608	89.177	59.451	624.236	50.000	6.760.864
36	04.025	Phạm Văn Cường	Chức viên	4,32				0,48			1,08						6,96	10.370.400			10.370.400	572.160	107.280	71.520	750.960	50.000	9.560.440
37	04.025	Trần Cao Đê	Thành viên	3,99			0,44				1,00						6,43	9.580.700			9.580.700	528.056	99.011	66.007	693.074	50.000	8.837.626



